

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30/6/2021

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Hoàng Lan Chi**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Nguyễn Thị Xuân Phương**
 2. Ông Lê Văn Châu

- Thư ký phiên tòa: **Bà Đinh Thị Thủy** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa: **Bà Hoàng Thị Hoài Phương** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 133/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2021 về việc: Tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2021/QĐXX-ST ngày 07 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18/6/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Hồng N** – Sinh năm: 198X

HKTT: Số 47 ngõ Đ, phường C, quận H, Hà Nội

Tạm trú: Số 24 ngõ T, phố Đ, quận H, Hà Nội. *(Có mặt tại phiên tòa)*

2. Bị đơn: **Anh Đoàn Đức M** – Sinh năm: 198X

HKTT: Số 47 ngõ Đ, phường C, quận H, Hà Nội

Hiện cư trú tại: Số 02 ngõ T, phường C, quận H, Hà Nội. *(Vắng mặt tại phiên tòa).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn xin ly hôn ngày 25/02/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Nguyễn Hồng N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đoàn Đức M kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 06/4/2018 tại UBND phường C, quận H, Hà Nội. Trước đó vào năm 2008 anh chị đã kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND phường C nhưng do cuộc

sống chung của vợ chồng không có hạnh phúc nên năm 2017 anh chị đã thống nhất thỏa thuận ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 243/2017/QĐST-HNGĐ ngày 16/5/2017 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng. Sau khi ly hôn vì nghĩ thương các con còn nhỏ nên chị đã đồng ý quay lại chung sống với anh M, anh chị đã đăng ký kết hôn lại lần thứ hai ngày 06/4/2018. Nhưng từ sau khi kết hôn lại đến nay vợ chồng vẫn xảy ra nhiều mâu thuẫn chủ yếu do tính cách, cách sống, quan điểm sống không phù hợp, quá khác biệt nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không có sự chia sẻ trong cuộc sống, trong cách nuôi dạy con cái, các công việc lớn nhỏ trong gia đình, kinh tế thì riêng biệt. Anh M không có trách nhiệm với vợ con, chị là người lo toan kinh tế toàn bộ cho gia đình, chăm sóc các con, lo ăn học cho các con, đã vậy anh M còn không có sự tôn trọng vợ, vì vậy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng hơn. Từ trước tết âm lịch khoảng tháng 01/2021, chị đã đưa hai con về nhà ngoại ở, còn anh M ở tại số 02 ngõ T, phường C, quận H, Hà Nội là nhà của bố mẹ anh M, vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay, không có sự quan tâm đến nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh M, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã lâu và ngày càng trầm trọng, căng thẳng, cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ được nữa, chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M để được ổn định cuộc sống còn nuôi dạy các con.

Về con chung: Chị và anh M có 02 con chung là: Đoàn Gia L, sinh ngày 02/11/200X và Đoàn Hồng N, sinh ngày 18/7/201X, sức khỏe các cháu bình thường, các cháu đang ở cùng chị N. Chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị làm nghề Spa, có thu nhập 15.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nhà ở chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Chị N xác định vợ chồng không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Bì đơn – Anh Đoàn Đức M:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho anh Đoàn Đức M đến Tòa án để lấy lời khai, giao nộp chứng cứ, anh M đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ án, vì vậy Tòa án không lấy được lời khai của anh M và không tiến hành hoà giải được vụ án hôn nhân gia đình.

Tại phiên tòa:

- Chị N vẫn giữ nguyện vọng xin ly hôn. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã lâu và ngày càng trầm trọng, căng thẳng, cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ được nữa. Đây là lần thứ hai chị nộp đơn xin ly hôn ra Tòa án. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M để được ổn định cuộc sống

còn nuôi dạy các con. Về con chung, tài sản chung, nhà ở chung, công nợ, chị vẫn giữ nguyên vọng như đã trình bày. Ngoài ra chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ sang Viện kiểm sát đúng quy định, đảm bảo thời hạn xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không có lời khai gửi Tòa án và không đến Tòa án giải quyết vì vậy Tòa án không lấy được lời khai của anh M và không tiến hành hòa giải được vụ án ly hôn. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện và xét xử theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N. Về con chung, giao cả hai con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị N không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh M kể từ tháng 7 năm 2021 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Về tài sản chung, nhà ở chung, về công nợ, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Về án phí, chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tại Đơn xin ly hôn thể hiện bị đơn – anh Đoàn Đức M có hộ khẩu thường trú và cư trú tại số 47 ngõ Đ, phường C, quận H, Hà Nội. Vì vậy, Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân gia đình trên là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án hôn nhân gia đình trên, TAND quận Hai Bà Trưng đã ra Thông báo về việc thụ lý vụ án, đã tổng đạt hợp lệ cho anh M. Hết thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Thông báo của Tòa án, anh M không nộp (gửi) cho Tòa án văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị N và cũng không gửi cho Tòa án tài liệu, chứng cứ bảo vệ cho quyền lợi của mình.

TAND quận Hai Bà Trưng đã hai lần ra Thông báo đến Tòa án lấy lời khai và giao nộp chứng cứ, ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đã tổng đạt hợp lệ cho các đương sự theo quy định của pháp luật, nhưng anh M không có mặt, do vậy Tòa án không lấy được lời khai của anh M và không tiến hành hòa giải được vụ án hôn nhân gia đình.

Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Đoàn Đức M theo quy định pháp luật nhưng anh M đều vắng mặt không có lý do chính đáng, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh M là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Hồng N và anh Đoàn Đức M lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 06/4/2018 tại UBND phường C, quận H, Hà Nội trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét tình trạng hôn nhân của chị N và anh M:

Năm 2008 anh chị đã kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND phường C nhưng do cuộc sống chung của vợ chồng không có hạnh phúc nên năm 2017 anh chị đã thống nhất thỏa thuận ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 243/2017/QĐST-HNGĐ ngày 16/5/2017 của TAND quận Hai Bà Trưng. Sau khi ly hôn anh chị đã tự nguyện quay lại chung sống với nhau và đã đăng ký kết hôn lại lần thứ hai ngày 06/4/2018.

Theo chị N trình bày: Từ sau khi kết hôn lại đến nay vợ chồng vẫn xảy ra nhiều mâu thuẫn chủ yếu do tính cách, cách sống, quan điểm sống không phù hợp, quá khác biệt nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không có sự chia sẻ trong cuộc sống, trong cách nuôi dạy con cái, các công việc lớn nhỏ trong gia đình, kinh tế thì riêng biệt. Anh M không có trách nhiệm với vợ con, chị là người lo toan kinh tế toàn bộ cho gia đình, chăm sóc các con, lo ăn học cho các con, đã vậy anh M còn không có sự tôn trọng vợ, vì vậy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng hơn. Từ trước tết âm lịch khoảng tháng 01/2021, chị đã đưa hai con về nhà ngoại ở, còn anh M ở tại số 02 ngõ T, phường C, quận H, Hà Nội là nhà của bố mẹ anh M, vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay, không có sự quan tâm đến nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh M, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã lâu và ngày càng trầm trọng, căng thẳng, cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ được nữa, chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M để được ổn định cuộc sống còn nuôi dạy các con.

Trước khi chị N nộp đơn xin ly hôn đơn phương ra Tòa án thì anh M cũng đã đồng ý ly hôn và ký đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn nhưng sau khi Tòa án thụ lý, Tòa án đã nhiều lần thông báo anh M đến Tòa án giải quyết vụ án thì anh M đều vắng mặt không có lý do.

Xét tình trạng hôn nhân của chị N và anh M là căng thẳng, mâu thuẫn đã trầm trọng không giải quyết khắc phục được, cuộc sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không chung sống với nhau, đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ, yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, không thực hiện các nghĩa vụ tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình,

mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2. Về con chung: Chị N và anh M có 02 con chung là: Đoàn Gia L, sinh ngày 02/11/200X và Đoàn Hồng N, sinh ngày 18/7/201X, sức khỏe các cháu bình thường, các cháu đang ở cùng chị N. Chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét việc giao con chưa thành niên cho ai nuôi dưỡng khi ly hôn cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Anh M, chị N hiện không chung sống với nhau, chị N vẫn chăm sóc và nuôi dưỡng hai con chung. Hiện ba mẹ con đang sinh sống tại số 24 ngõ T, phố Đ, quận H, Hà Nội. Hiện chị N làm nghề kinh doanh dịch vụ chăm sóc làm đẹp cá nhân, có thu nhập 15.000.000 đồng/tháng. Tại Đơn đề nghị ngày 13/5/2021 của cháu Đoàn Gia L và Đoàn Hồng N đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, nguyện vọng được nuôi hai con của chị N là chính đáng phù hợp với nguyện vọng của các con. Do vậy, Hội đồng xét xử giao cả hai con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị N không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh M kể từ tháng 7 năm 2021 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh M có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung, nhà ở chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

2.4. Về công nợ: Chị N xác nhận không nợ chung ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.5. Anh M không có ý kiến về tài sản, nhà ở và công nợ của vợ chồng do vậy Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Giành quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác về tài sản, nhà ở và những yêu cầu khác khi anh M có đơn yêu cầu.

2.6. Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

Chị N, anh M có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70; Điều 72; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; khoản 1 Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1.1 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Hồng N đối với anh Đoàn Đức M. Chị N được ly hôn anh M.

2. Về con chung: Chị N và anh M có 02 con chung là: Đoàn Gia L, sinh ngày 02/11/200X và Đoàn Hồng N, sinh ngày 18/7/201X.

Giao cả hai con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng kể từ tháng 7 năm 2021 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh M kể từ tháng 7 năm 2021 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh M có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nhà ở chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về công nợ: Chị N xác nhận không nợ chung ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Giành quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác về tài sản, nhà ở và những yêu cầu khác cho anh Đoàn Đức M khi anh có đơn yêu cầu.

6. Về án phí: Chị Nguyễn Hồng N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số AA/2019/0004055 ngày 04/3/2021 của Cơ quan Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Nguyễn Hồng N, vắng mặt anh Đoàn Đức M. Chị N có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh M có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - VKSND Q.Hai Bà Trưng;
 - TAND TP.Hà Nội;
 - VKSND TP.Hà Nội;
 - Chi cục THADS Q.Hai Bà Trưng;
 - UBND phường C, quận H, Hà Nội
- (Giấy chứng nhận kết hôn số 27/2018 ngày 06/4/2018)
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Lan Chi

